TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2026
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý Thành Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1347/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1980.

Số CCCD: 087180014888; ngày cấp: 19/8/2024; nơi cấp: Bộ Công an.

Địa chỉ: 110/5A Ấp 84, xã Đ (trước là Ấp 29, xã T, huyện H), Thành phố H1.

(Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 110/5A Ấp 84, xã Đ (trước là Ấp 29, xã T, huyện H), Thành phố H1.

(ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Bà và ông A chung sống từ năm 1998 và đăng ký kết hôn ngày 07/10/2009 tại UBND thị trấn C, huyện C1, tỉnh Đ1 (nay là xã P, tỉnh Đ1).

Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung tại xã T, huyện H, Thành phố H1.

Quá trình sống chung hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông A không có công việc, không chăm lo phụ giúp gia đình, còn nhiều lần đánh đập, chửi bới bà. Bà đã nhẫn nhịn để sống vì con nhưng ông A không thay đổi. Bà đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn. Cả hai đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là hạnh phúc không đạt được, bản thân bà không còn tình cảm, không muốn tiếp tục sống chung với ông A. Nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn A để cả hai ổn định cuộc sống.

- Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 27/3/2001; Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/12/2002; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 16/01/2005. Con chung đã trưởng thành, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N tự nguyện chịu.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập hợp lệ đến Tòa án và tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lý do và có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 về: thẩm quyền thụ lý vụ án; xác minh thu thập chứng cứ; thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng; xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự; thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời gian gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn A. Đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Ông Nguyễn Văn A là bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, Thành phố H nên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn A tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn C, huyện C1, tỉnh Đ1 (nay là xã P, tỉnh Đ1) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 07/10/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của bà N thì trong quá trình chung sống, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông A không có công việc, không chăm lo phụ giúp gia đình, còn nhiều lần đánh đập, chửi bới bà. Bà đã từng nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn để cả hai đoàn tụ nhưng không thay đổi. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông A đến Tòa án để tiến hành hòa giải cho hai bên nhưng ông A vắng mặt không lý do. Sau khi được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa thì ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Điều đó thể hiện ông A không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà N. Mặt khác, bà N trình bày không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông A, kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc N là phù hợp.

[4] Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 27/3/2001; Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/12/2002; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 16/01/2005. Con chung đã trưởng thành, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm : Án phí ly hôn do bà Nguyễn Thị Ngọc N chịu theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 27/3/2001; Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/12/2002; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 16/01/2005. Con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Ngọc N chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035033 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- VKSND khu vực 8 – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 8 – TP.HCM;
- UBND xã P, tỉnh Đ1 (UBND thị trấn C, huyện C1, tỉnh Đ1 cũ) (Giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 07/10/2009);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thành Danh